

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng mương, công thoát nước ngoài Khu Công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án nhóm B, nhóm C của tỉnh năm 2020 và giai đoạn 2021-2025;



Căn cứ Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp);

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án: Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 220/TTr-SNN-TL ngày 25/11/2021; Thông báo thẩm định số 116/TB-SNN-TL ngày 22/11/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài Khu Công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh kênh đoạn từ Km1+240 đến Km1+679,95 (dài 439,95m) từ kênh mặt cắt hình chữ nhật, kết cấu bê tông cốt thép đá 1x2 M250 sang kênh mặt cắt hình thang, kết cấu đáy kênh bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200, mái kênh xây đá hộc. Kích thước kênh sau khi điều chỉnh: bề rộng đáy $b = 5\text{m}$; chiều cao kênh $h = 2,5\text{m}$; hệ số mái $m = 1,5$.

2. Điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư: 50.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng).
Trong đó:

STT	Nội dung	Theo QĐ số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND tỉnh	Cơ cấu tổng mức đầu tư điều chỉnh
	Tổng số	50.000.000.000	50.000.000.000
1	Chi phí xây dựng sau thuế	35.711.321.013	34.244.269.075
2	Chi phí quản lý dự án	654.491.120	628.627.117
3	Chi phí tư vấn xây dựng	2.469.594.250	2.611.575.264
4	Chi phí khác	1.048.241.824	1.304.813.571
5	Chi phí giải phóng mặt bằng	6.268.325.000	5.078.325.000
6	Chi phí dự phòng	3.848.025.793	6.132.389.973

(Bảng điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư kèm theo).

Điều 2. Các nội dung khác của dự án không điều chỉnh vẫn thực hiện theo Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài Khu Công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp).

Điều 3. Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh là chủ đầu tư chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT (Th qd 01-022). *AK*

CC. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh





BẢNG ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)
(Kèm theo Quyết định số 67 /QĐ-UBND ngày 13 /01 /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	TMĐT phê duyệt tại Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Giá trị dự toán đã phê duyệt	Dự toán điều chỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8) = (7)-(4)
I	Chi phí xây dựng	Gxd	35.711.321.013	35.167.608.808	-923.339.733	34.244.269.075	-1.467.051.938
II	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	654.491.120	645.549.416	-16.922.299	628.627.117	-25.864.003
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv	2.469.594.250	2.632.962.233	-21.386.969	2.611.575.264	141.981.014
3.1	Chi phí khảo sát địa hình bước lập BCNCKT	Gtv1	435.341.000	435.341.000		435.341.000	
3.2	Chi phí giám sát khảo sát địa hình - bước lập BCNCKT	Gtv2	17.727.000	17.727.000		17.727.000	
3.3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	Gtv3	280.690.983	280.690.983		280.690.983	
3.4	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bước lập TKBVTC	Gtv4	116.368.401	819.531.000		819.531.000	-25.348.349
3.5	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	Gtv5	728.510.948				
3.6	Chi phí giám sát khảo sát bước lập TKBVTC	Gtv6	4.738.521	4.738.521		4.738.521	
3.7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC	Gtv7	5.944.649	5.944.649		5.944.649	
3.8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	Gtv8	786.363.288	775.445.774	-21.386.969	754.058.805	-32.304.483
3.9	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	Gtv9	87.492.736	87.215.669		87.215.669	-277.067
3.10	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT giám sát thi công xây dựng	Gtv10	6.416.724	6.327.637		6.327.637	-89.087
3.11	Chi phí tư vấn đánh giá tác động môi trường	Gtv11		200.000.000		200.000.000	200.000.000

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	TMDT phê duyệt tại Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	Giá trị dự toán đã phê duyệt	Dự toán điều chỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh	Chênh lệch Tăng (+) Giảm (-)
IV	Chi phí khác	Gk	1.048.241.824	1.305.736.910	-923.339	1.304.813.571	256.571.747
4.1	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk1	35.711.321	35.167.608	-923.339	34.244.269	-1.467.052
4.2	Chi phí thẩm định dự án	Gk2	7.500.000	7.500.000		7.500.000	
4.3	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	Gk3	3.750.000	3.750.000		3.750.000	
4.4	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	Gk4	9.804.380	32.290.258		32.290.258	22.485.878
4.5	Chi phí thẩm định dự toán	Gk5	9.414.802	31.011.436		31.011.436	21.596.634
4.6	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu xây lắp	Gk6	35.711.321	35.167.608		35.167.608	-543.713
4.7	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu giám sát thi công xây dựng	Gk7	1.000.000	2.000.000		2.000.000	1.000.000
4.8	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT gói thầu tư vấn lập thiết kế BVTC	Gk8	1.000.000	2.000.000		2.000.000	1.000.000
4.9	Chi phí đo vẽ bản đồ giải thửa, cắm mốc GPMB	Gk9	400.000.000	400.000.000		400.000.000	
4.12	Chi phí rà phá bom mìn	Gk12	175.600.000	175.600.000		175.600.000	
4.10	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	Gk10	71.250.000	118.750.000		118.750.000	47.500.000
4.11	Chi phí kiểm toán độc lập	Gk11	247.500.000	412.500.000		412.500.000	165.000.000
4.13	Chi phí kiểm tra công trình trong quá trình thi công xây dựng và nghiệm thu hoàn thành công trình	Gk13	50.000.000	50.000.000		50.000.000	
V	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Ggpmb	6.268.325.000	6.268.325.000	-1.190.000.000	5.078.325.000	-1.190.000.000
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	3.848.026.793	1.987.592.868		6.132.389.973	2.284.363.180
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ			50.000.000.000	48.007.775.235	-2.152.572.340	50.000.000.000	

(Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng)